

THUYẾT MINH

Báo cáo công khai quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2025

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của HĐND xã Ba Gia về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Ba Gia phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Ba Gia về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Ủy ban nhân dân xã Ba Gia thuyết minh báo cáo công khai quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2025, với các nội dung cụ thể như sau:

I. QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) tại địa bàn 8.923.834.898 đồng/2.509.000.000 đồng, đạt 355,7% so với dự toán tỉnh giao và HĐND xã giao, trong đó:

- Thu các khoản thu xã hưởng 100%: 808.008.711 đồng.
- Thu các khoản phân chia theo tỷ lệ: 8.115.826.187 đồng.

2. Thu ngân sách địa phương (xã hưởng)

Tổng thu ngân sách địa phương (xã hưởng) 152.516.383.227 đồng/101.828.979.000 đồng, đạt 149,8% so với dự toán tỉnh giao và HĐND xã giao, trong đó:

- Thu các khoản thu xã hưởng 100%: 808.008.711 đồng.
- Thu các khoản phân chia theo tỷ lệ: 460.149.396 đồng.

- Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước: 4.381.556.274 đồng.
- Thu kết dự ngân sách năm trước: 182.783.260 đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 146.683.885.586 đồng.

II. QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Việc thực hiện dự toán chi ngân sách năm 2025 nhìn chung đã đáp ứng kịp thời nhu cầu chi hoạt động thường xuyên và thực hiện nhiệm vụ chính trị trên địa bàn.

Tổng chi NSDP là 152.420.079.960/123.336.044.304 đồng, đạt 123.6 % so với dự toán tỉnh giao và Hội đồng nhân dân xã giao.

1. Chi đầu tư phát triển

Thực hiện chi đầu tư phát triển: 15.138.804.510/17.125.509.030 đồng, đạt 88,4%.

Nguyên nhân: Số quyết toán tăng so với dự toán HĐND xã giao là do thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, UBND xã chuyển dữ liệu các công trình xây dựng cơ bản và xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới của 3 xã cũ nhập lại.

- Số dư còn lại: 1.986.704.520 đồng (đã nộp trả ngân sách cấp trên và chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện).

2. Chi thường xuyên

Thực hiện chi thường xuyên: 123.764.305.652/106.210.535.274 đồng, đạt 116,5% so với dự toán tỉnh giao và Hội đồng nhân dân xã giao.

Hầu hết các nhiệm vụ chi thực hiện năm 2025 đạt và vượt dự toán Hội đồng nhân dân xã quyết nghị.

Nguyên nhân: Năm 2025 thực hiện việc sáp nhập, vì vậy thực hiện thanh toán chế độ cho cán bộ, công chức nghỉ chế độ theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP và tỉnh bổ sung kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh trong năm 2025 như hỗ trợ quà Nhân dân nhân dịp lễ cách mạng tháng 8 và Quốc khánh ngày 2/9, chế độ hưu có người cao tuổi, quà tết cho các đối tượng chính sách.

3. Chi chuyển nguồn kinh phí ngân sách năm 2025 sang năm 2026

Tổng số kinh phí chuyển nguồn là: 13.516.969.798 đồng.

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	13.516.969.798	
A	NGUỒN CHI THƯỜNG XUYỀN	12.153.469.798	
I	Nguồn cải cách tiền lương còn thừa (Theo công văn số 1294/STC-QLNS ngày 02/03/2026 của Sở Tài chính thẩm định và địa phương xác định)	4.212.651.287	0963

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
II	Nguồn chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương ban hành và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của lĩnh vực tương ứng (Theo công văn số 1294/STC-QLNS ngày 02/03/2026 của Sở Tài chính)	609.112.000	0963
III	Kinh phí tiết kiệm chi 10% hoạt động thường xuyên để làm nguồn CCTL năm 2025 sáng 2026	888.175.899	0963
IV	Kinh phí mục tiêu bổ sung sau 30/9	5.735.323.170	0965
1	Phòng Kinh tế (TK: 9527.4.1159965)	1.897.906.310	0965
1.1	Chương 831-280-278	48.600.000	
-	Chi sự nghiệp môi trường	48.600.000	
1.2	Chương 831-340-341	1.738.973.000	
-	Công tác thanh tra, kiểm tra tài nguyên, khoáng sản, giải quyết tranh chấp đất đai, tiếp công dân,...	4.500.000	
-	Công tác thanh tra, kiểm tra tài nguyên, khoáng sản, giải quyết tranh chấp đất đai, tiếp công dân,...	6.750.000	
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm Kế toán Hành chính sự nghiệp mới theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC	7.200.000	
-	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích để lại (Nộp ngân sách Nhà nước)	11.637.000	
-	Kinh phí mua máy tính	49.200.000	
-	Kinh phí thực hiện xác định giá đất cụ thể khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh năm 2025 tuyến đường huyện ĐH.15 (Bình hiệp - Tịnh Trà)	159.686.000	
-	Kinh phí sửa chữa các trường học trên địa bàn xã	1.500.000.000	
1.3	Chương 831-280-281	20.333.310	
-	Kinh phí thực hiện xác định giá đất cụ thể khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh năm 2025	11.800.000	

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
-	Kinh phí trả nợ kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024	8.533.310	
1.4	Chương 831-280-283	90.000.000	
-	Chi sửa chữa, khắc phục bão lũ	90.000.000	
2	Phòng Văn hoá - Xã hội (Số TK: 9527.4.1163619)	528.573.420	0965
2.1	Chương 832-220-221	86.773.000	
-	Kinh phí Đại hội TDTT (tính bổ sung)	86.773.000	
2.2	Chương 832-160-171	9.000.000	
-	Kinh phí chi sự nghiệp công nghệ thông tin	9.000.000	
2.3	Chương 832-340-341	138.975.645	
-	Kinh phí chi đào tạo	67.116.900	
-	Kinh phí chi chỉnh lý tài liệu	67.500.000	
-	Tôn giáo	450.000	
-	Chỉ số CCHC (điều tra XHH cấp xã)	3.908.745	
2.4	Chương 832-370-371	204.824.775	
-	Kinh phí hỗ trợ bà mẹ VNAH theo NQ HĐND tỉnh	32.400.000	
-	Kinh phí sửa chữa, xây dựng nhà ở cho người có công cách mạng	168.750.000	
-	Hoạt động đảm bảo xã hội	3.674.775	
2.5	Chương 832-090-098	89.000.000	
-	Kinh phí thực hiện chính sách giáo dục 6 tháng cuối năm 2025	89.000.000	
3	Văn phòng HĐND và UBND (Số TK: 9527.4.1157152)	632.753.440	0965
3.1	Chương 830-340-341	549.028.440	

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
-	Chi kiểm tra văn bản, rà soát hệ thống hoá văn bản QPPL	6.221.250	
-	Kinh phí tuyên truyền phổ biến GDPL	200	
-	Kinh phí mua biểu mẫu hộ tịch cho cấp xã	3.211.650	
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa khối UBND	206.000	
-	Hỗ trợ hàng tháng cán bộ chuyên trách và các UV Ban	3.600.000	
-	Kinh phí hoạt động TT HĐND	712.645	
-	Kinh phí ISO	9.000.000	
-	Công tác phí	36.189.215	
-	Kinh phí nâng lương thường xuyên năm 2025	19.514.080	
-	kinh phí ngoài định mức	10.013.400	
-	Kinh phí mua sắm	10.360.000	
-	Kinh phí sửa chữa, cải tạo nâng cấp, mở rộng hội trường (1 tầng) UBND xã, nhà kho và các hạng mục khác	450.000.000	
3.2	Chương 830-010-011	72.550.000	
-	BCĐ về PCCC	6.750.000	
-	Kinh phí phòng, chống thiên tai	52.300.000	
-	Chi đảm bảo quốc phòng, tuyển quân	13.500.000	
3.3	Chương 830 -040-041)	11.175.000	
-	Kinh phí ANTT và các hoạt động	11.175.000	
4	Trung tâm phục vụ hành chính công (Số TK: 9527.4. 1157152)	269.940.000	0965
-	Kinh phí mua sắm máy móc, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Ba Gia	269.940.000	

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
5	Văn phòng Đảng uỷ (Số TK: 3711.4.1159940.00000)	2.365.400.000	0965
-	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng phòng làm việc, phòng họp cơ quan Đảng và các hạng mục khác	800.000.000	
-	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho khối Đảng và Ủy ban Mặt trận xã Ba Gia	1.550.000.000	
-	Kinh phí đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý được luân chuyển, điều động	15.400.000	
6	Trường Mầm non Tịnh Bắc (Số TK: 9527.4.1117684)	40.750.000	0965
-	Kinh phí sửa chữa cải tạo khu vệ sinh	40.750.000	
V	Dự toán còn lại được bố trí cho các đơn vị nhưng không sử dụng hết trong năm 2025	374.156.352	
1	Nội dung thành phần 01(Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch Mã CTMT: 20491)	29.608.069	0968
2	Kinh phí hỗ trợ cho UBND xã thực hiện đầu tư các công trình trên địa bàn xã (Nguồn ngân sách UBND huyện cũ hỗ trợ) còn lại	126.970.000	0967
4	Kinh phí biên chế chưa tuyển 14 người (Nguồn NS theo QĐ số 575/QĐ-UBND ngày 12/08/2025 của UBND xã)	217.578.283	0967
VI	Nguồn tăng thu ngân sách địa phương năm 2025 (không kể các khoản loại trừ khi tính nguồn CCTL) so với dự toán năm 2025 dành để tính nguồn thực hiện CCTL năm 2026	334.051.090	
1	70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2025 để thực hiện CCTL 2026	153.751.338	0963
2	30% tăng thu ngân sách địa phương năm 2025 để tạo nguồn NSDP và các khoản khác	180.299.752	0967
B	NGUỒN VỐN CHI ĐẦU TƯ	1.363.500.000	

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Phòng Kinh tế	1.363.500.000	
1	Kinh phí mục tiêu bổ sung sau 30/9	1.363.500.000	0961
1.1	8172945 -Sửa chữa cải tạo mở rộng Trung tâm phục vụ hành chính công nhà để xe cho công dân; cải tạo lại hệ thống chống sét đánh thẳng và các hạng mục khác	1.363.500.000	

III. KẾT DƯ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

- Tổng thu ngân sách xã: 152.516.383.227 đồng.
- Tổng chi ngân sách xã: 152.420.079.960 đồng.
- Kết dư ngân sách xã: 96.303.267 đồng.
- Kết dư nguồn ngân sách xã: 96.303.267 đồng, chuyển sang thu ngân sách năm 2026 theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Trên đây là thuyết minh báo cáo công khai quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025./.